

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG XUÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST

Ngày 17/01/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long.
- Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Huỳnh Pô Pin.
+ Ông Lê Văn Cư.
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Vĩnh Long – Thẩm tra viên TAND huyện X.
- Đại diện VKSND huyện X tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện X mở phiên tòa để xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu A (*Tên gọi khác: Cu B*) - Sinh năm: 1995 tại huyện X, tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: thôn Phước Lộc - xã Q 3 - huyện X - tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: Nguyễn B - SN: 1971 (đã chết) và bà: Phan Thị C - SN: 1973 (đã chết); Bị cáo chưa vợ; Tiền sự: Không; Tiền án:

+ Ngày 23/11/2015, bị TAND huyện X xử phạt 01 năm 03 tháng tù giam về tội Giao cấu với trẻ em (chấp hành xong hình phạt ngày 19/9/2016).

+ Ngày 12/7/2017, bị TAND huyện X xử phạt 02 năm tù giam về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (chấp hành xong hình phạt ngày 16/3/2019).

- Nhân thân:

+ Ngày 27/02/2009, bị Chủ tịch UBND huyện X ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản (chấp hành xong ngày 27/02/2011).

+ Ngày 05/9/2012, bị Chủ tịch UBND huyện X ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng về hành vi cố ý gây thương tích (chấp hành xong ngày 12/9/2014).

Bị cáo Nguyễn Hữu A bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/9/2019 đến nay – Có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại: Nguyễn Thanh D – Sinh năm: 1993; Trú tại: thôn T, xã Q 3, huyện X, tỉnh Phú Yên – Vắng mặt (có gửi đơn xin xét xử vắng mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Dương Huỳnh E – Sinh năm: 1981; Trú tại: Số 148 R, Tổ 9, phường F, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum – Vắng mặt.

2/ Nguyễn Thị Triềng K – Sinh năm: 1993; Trú tại: KP H, thị trấn L, huyện X, tỉnh Phú Yên – Vắng mặt.

3/ Trần Xuân M – Sinh năm: 1994; Trú tại: thôn P B, xã N, huyện X, tỉnh Phú Yên – Vắng mặt.

4/ Nguyễn Quang I – Sinh năm: 1993; Trú tại: thôn T, xã Q 3, huyện X, tỉnh Phú Yên – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết với nhau từ trước nên khoảng 19 giờ 00 phút ngày 02/6/2019, Nguyễn Hữu A rủ anh Nguyễn Thanh D, trú tại thôn T, xã Q 3, huyện X đi đến huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định chơi, anh D đồng ý. Khi đi anh D giao xe mô tô BKS 78K1-081.77, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh trắng của D cho A điều khiển. Trên đường đi, anh D nhận được điện thoại của chị Sô Thị Ê rủ đến Trung tâm y tế huyện X chơi. Khi A và D đến Trung tâm y tế huyện X thì gặp Ê và chị Sô Thị Ch (chị ruột của Ê), sau đó cả nhóm cùng rủ nhau đi uống rượu. Trong lúc uống rượu, A hỏi mượn xe mô tô của D để đi công việc, D đồng ý. Khoảng 30 phút sau, A điều khiển xe mô tô quay lại rồi cùng với D, Ê và Ch đi thăm mẹ của Ê. Sau khi thăm bệnh xong, A nói với D “*cho tao mượn xe ra đây có việc tý*”, D đồng ý. Sau khi mượn được xe mô tô của anh D, A điều khiển đi đến nhà chị Hoàng Thị La tại thôn Canh Thuận, xã Canh Hòa, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định để chơi. Khoảng 22 giờ cùng ngày, thấy A không quay lại trả xe nên anh D gọi điện thoại thì A nói “*tao đang ở nhà bạn C, mai tao về*” rồi tắt máy. Đến sáng ngày 03/6/2019, anh D tiếp tục gọi điện thoại cho A thì A nói “*đang ở nhà bạn C trưa sẽ về trả xe*” rồi tắt máy, anh D sau đó nhiều lần liên lạc với A nhưng không được. Đến ngày 06/6/2019, Nguyễn Hữu A điều khiển xe mô tô của anh D đến thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum để gặp bạn là anh Trần Xuân M. Trong lúc ngồi nói chuyện với anh M thì A nảy sinh ý định cầm cổ xe mô tô của anh D để lấy tiền tiêu xài cá nhân nên A nhờ anh M chỉ chỗ để cầm cổ xe mô tô. Anh M dẫn A đến hiệu cầm đồ “*Loan E*” tại số 148 R, phường F, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum do ông Dương Huỳnh E làm chủ. Tại đây, A dùng giấy tờ xe và tên của anh D để cầm cổ xe mô tô BKS 78K1-081.77 lấy số tiền 7.000.000 đồng và 400.000 đồng của anh D để trong cốp xe. Sau khi cầm cổ xe mô tô, A trả cho anh Trần Xuân M 500.000 đồng đã mượn

trước đó rồi bỏ trốn. Đến ngày 03/9/2019, Nguyễn Hữu A đến Cơ quan CSĐT Công an huyện X đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 09/KL-ĐGTTTHS ngày 15/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện X kết luận: Xe mô tô BKS 78K1-081.77 tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*).

Tại bản cáo trạng số: 16/CT-VKSĐX ngày 25/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Nguyễn Hữu A về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Kết luận bị cáo Nguyễn Hữu A phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS đối với bị cáo. Xử phạt: Nguyễn Hữu A từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 03/9/2019.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Thanh D đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo Nguyễn Hữu A phải bồi thường nên đề nghị HĐXX không xét giải quyết. Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 589 BLDS, buộc bị cáo Nguyễn Hữu A phải bồi thường cho anh Dương Huỳnh E số tiền 7.000.000 đồng từ việc cầm cố xe mô tô BKS 78K1-081.77.

+ Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện X đã trả cho người bị hại nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

+ Đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng. Bị cáo không tranh luận, bào chữa về hành vi của mình; bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

- Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người bị hại đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về phần dân sự đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nào khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Huỳnh E yêu cầu bị cáo Nguyễn Hữu A phải bồi thường số tiền 7.000.000đ từ việc cầm cố xe mô tô BKS 78K1-081.77.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 02/6/2019 tại khu phố Long Thắng, thị trấn L, huyện X, tỉnh Phú Yên, Nguyễn Hữu A đã mượn xe mô tô BKS 78K1-081.77, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh trắng của anh Nguyễn Thanh D và được anh D đồng ý. Sau đó, A nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đem xe mô tô đến hiệu cầm đồ Loan E của ông Dương Huỳnh E tại số 148 R, phường F, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum cầm cố lấy số tiền 7.000.000 đồng cùng với 400.000 đồng của anh D để trong cốp xe tiêu xài cá nhân rồi bỏ trốn. Chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, BKS 78K1-081.77 tại thời điểm bị A chiếm đoạt có giá trị 22.000.000 đồng. Tổng số tài sản mà A chiếm đoạt của anh D trị giá là 22.400.000 đồng (*Hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng*). Do đó, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*". Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lần này là tái phạm nguy hiểm - tình tiết định khung theo điểm g khoản 2 Điều 175 BLHS, nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố bị cáo Nguyễn Hữu A về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" – theo điểm g khoản 2 Điều 175 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo phải nhận thức được rằng việc lợi dụng sự tín nhiệm của người khác để chiếm đoạt tài sản là hành vi trái pháp luật và trái đạo đức xã hội; Bị cáo có nhân thân xấu đã bị đưa vào trường giáo dưỡng cũng về hành vi xâm phạm quyền sở hữu của người khác và có 02 tiền án chưa được xóa án tích, trong đó có một tiền án về hành vi cùng loại. Lẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học để tự cải tạo, tu dưỡng làm người có ích nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Điều đó chứng tỏ khả năng tự cải tạo của bị cáo rất kém, nên cần áp dụng một hình phạt tù nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Khi quyết định hình phạt, Tòa án xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo đó là: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt để xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại anh Nguyễn Thanh D đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo Nguyễn Hữu A phải bồi thường thêm khoản thiệt hại nào khác nên HĐXX không xét giải quyết.

- Người Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Huỳnh E yêu cầu bị cáo Nguyễn Hữu A phải bồi thường số tiền 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) từ việc cầm cố xe mô tô BKS 78K1-08177. Bị cáo Nguyễn Hữu A đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh Dương Huỳnh E. Buộc bị cáo Nguyễn Hữu A phải bồi thường cho anh Dương Huỳnh E số tiền 7.000.000 đồng.

[5] Đối với hành vi của Trần Xuân M: Nguyễn Hữu A và Trần Xuân M là bạn bè với nhau từ trước. Khi nhờ anh M dẫn đi cầm cố, A nói đây là xe mô tô của A mua lại từ anh Nguyễn Quang I, anh M hoàn toàn không biết đây là tài sản do A chiếm đoạt của người khác mà có nên mới nhận số tiền 500.000 đồng của A trả. Do đó, hành vi của anh Trần Xuân M không phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo quy định tại Điều 323 BLHS. Cơ quan CSĐT Công an huyện X không xử lý đối với hành vi của M là phù hợp.

Đối với hành vi của Dương Huỳnh E: Ông E làm nghề kinh doanh dịch vụ cầm đồ, khi Nguyễn Hữu A đến gặp để thỏa thuận cầm cố xe mô tô BKS 78K1-081.77, ông E có hỏi rõ A về nguồn gốc xe và xác định xe có giấy tờ hợp pháp nên mới đồng ý cho A cầm cố. Bản thân ông E không hề biết xe mô tô do A mang đi cầm cố là do A chiếm đoạt của người khác mà có. Do đó, ông Dương Huỳnh E không phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo quy định tại Điều 323 BLHS.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu A phạm tội: "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt:

+ Nguyễn Hữu A 03 (*ba*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 03/9/2019.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585 và 589 BLDS, buộc Bị cáo Nguyễn Hữu A phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Huỳnh E số tiền 7.000.000đ (*bảy triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu lãi chậm trả

với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Hữu A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 350.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện X;
- Công an huyện X;
- UBND xã Q 3;
- CC THADS huyện X;
- Những người tham gia tố tụng;

Nguyễn Văn Long